

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/DS-ST

Ngày: 27-10-2020.

*“V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 609/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 309/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2020/QĐST – DS ngày 06 tháng 10 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thanh L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 36, tổ 2, ấp H, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: tổ 16, ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Thanh L trình bày:

Vào ngày 15/02/2018 ông T có mua xoài cát chu của ông L với số lượng là 2,888kg (2,8 tấn), đơn giá 15.000đồng/kg. Tổng số tiền là 43.320.000đồng, ông T đã trả cho ông L được 33.320.000đồng, còn nợ lại 10.000.000đồng và hứa đến ngày 14/5/2018 sẽ trả hết phần còn lại cho ông L, nhưng đã hết thời hạn thanh toán phần tiền còn lại ông T vẫn không thực hiện việc trả tiền như đã hứa. Ông L có đến nhà gặp ông T để lấy tiền nhưng hẹn ngày này qua ngày khác, ông L có liên lạc qua số điện thoại nhiều lần nhưng ông T trốn tránh, không nghe điện

thoại.

Ông L đã viết đơn gửi đến tổ hòa giải ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh vào ngày 05/8/2019. Ngày 21/10/2019, tại Trụ sở ban nhân dân ấp T đã tổ chức buổi hòa giải giữa ông L và ông T. Trong biên bản hòa giải ông T thống nhất trả cho ông L mỗi tuần 1.000.000đồng bắt đầu từ ngày 28/10/2019 cho đến khi hết số tiền nợ, nhưng ông T vẫn không thực hiện. Nay, ông L yêu cầu ông T thanh toán cho ông L số tiền 10.000.000đồng.

Tại phiên tòa, ông L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông T trả cho ông L số tiền là 10.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn không đến tòa để tham gia tố tụng, không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng vắng mặt tại phiên tòa.

Tài liệu, chứng cứ: Biên nhận đối với số tiền 10.000.000đồng (không ghi ngày tháng năm) (bản chính); biên bản hòa giải tại ấp T (bản sao).....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự hợp đồng mua bán, bị đơn có địa chỉ tại xã T, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tuy nhiên bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Lê Thanh L khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T trả số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng căn cứ vào biên nhận đối với số tiền 10.000.000đồng (không ghi ngày tháng năm) (bản chính); biên bản hòa giải tại ấp T (bản sao).

Xét yêu cầu khởi kiện của ông L và căn cứ vào lời khai của ông, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông L trình bày số tiền 10.000.000đồng mà ông đang yêu cầu ông T trả là số tiền xuất phát từ việc ông và ông T có hợp đồng mua bán xoài cát chu vào ngày 15/02/2018 số lượng là 2,888kg (2,8 tấn), đơn giá 15.000đồng/kg. Tổng số tiền là 43.320.000đồng, ông T đã trả cho ông L được 33.320.000đồng, còn nợ lại 10.000.000đồng và ông T có hẹn đến ngày 14/5/2018 sẽ trả tiền cho ông L. Tuy trong biên nhận do ông L xuất trình không ghi cụ thể số tiền 10.000.000đồng là tiền mua bán xoài giữa các bên nhưng tại biên bản hòa giải tại trụ sở Ban nhân dân ấp T, xã T ngày

21/10/2019, thể hiện ông T thừa nhận còn nợ ông L số tiền 10.000.000đồng là tiền mua xoài. Điều này chứng minh lời trình bày của ông L là có căn cứ.

Đối với ông T, mặc dù Tòa án đã thực hiện triệu tập, có thông báo yêu cầu ông T cung cấp bản khai thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu của ông L. Nhưng ông T vắng mặt, không tham gia trong quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản hay tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc ông T không có nợ tiền của ông L hoặc đã trả số tiền còn nợ cho ông L theo biên nhận nêu trên. Ông T trực tiếp ký nhận Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập mở lại phiên tòa của Tòa án nhưng vẫn không đến tham dự phiên tòa để trình bày ý kiến của ông. Tại phiên tòa ông L xác nhận ông T vẫn chưa thực hiện trả số tiền 10.000.000 đồng cho ông L. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của ông L và các tài liệu, chứng cứ do ông L xuất trình, xét thấy yêu cầu của ông L về việc yêu cầu ông T trả số tiền còn nợ là 10.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận của các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”*. Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền quy định theo hợp đồng.....Trường hợp bên mà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả...”*.

Tại phiên tòa, ông L chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 10.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét đến tiền lãi suất.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng

Về lãi suất chậm trả: tại phiên tòa, vắng mặt ông Trung nên không thỏa thuận được lãi suất chậm trả, Tòa án xem xét tính lãi suất chậm trả theo khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu nên ông L không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Ông T phải chịu tiền án theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L.

Buộc ông Trần Văn T trả cho ông Lê Thanh L số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn T phải nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004898 ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Mỹ Như

